

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 6 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Thừa;

2. Bà Ngô Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1966; thường trú: Tổ 22, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp H, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Công ty TNHH P). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/KH quyền số 01 ngày 23/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ hay cờ bạc dẫn tới thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng không còn. Cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã cố gắng gần gũi tình cảm để xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc nhưng không có kết quả nên đã ly thân khoảng 09 năm nay. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Kiều G, sinh ngày 06/12/2003 và Trần Tuấn A, sinh ngày 27/06/2000. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà B vắng mặt không có lý do. Bà không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nội dung biên bản xác minh ngày 23/4/2025 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thể hiện: Hội liên hiệp phụ nữ phường T không nhận được đơn yêu cầu hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B. Đồng thời cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai ông bà nên không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị B được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/KH, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/3/2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn ông Trần Văn T xác định, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, bà B hay chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên đang sống ly thân đến nay được khoảng 09 năm. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài mà không thể hàn gắn được nên ông Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B. Bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Thị Kiều G, sinh ngày 06/12/2003 và Trần Tuấn A, sinh ngày 27/06/2000. Con chung đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trần Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị B. (Giấy chứng nhận kết hôn số 20/KH, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/3/2009).

- Về con chung: Ông Trần Văn T xác định các con chung tên Trần Thị Kiều G, sinh ngày 06/12/2003 và Trần Tuấn A, sinh ngày 27/06/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trần Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008015 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- UBND phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (01);
- Lưu: VP, HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân